

Bản án số: 172/2023/HS-ST
Ngày: 20-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Ngọc Hương
- Bà Nguyễn Thị Nở
- Ông Võ Quang Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 173/2023/TLST-HS, ngày 08/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1226/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Lê Thị Dư T năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 303 Lô D chung cư L, Phường A, Quận A, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông không rõ lai lịch và bà Lê Thị V (chết); hoàn cảnh gia đình: Có chồng không rõ lai lịch và 02 con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 15/6/2022 (Có mặt).

2. Lê Hữu H, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Phòng 602 khách sạn W, số B đường số I, khu dân cư T, xã B, huyện B, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu Đ và bà Hồ Thị Phương D (chết); hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con;

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 25/5/2017, bị Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 30/7/2018, Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm trên (Bản án số 71/2018/HS-PT). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2020 và thi hành xong án phí.

- Ngày 28/9/2020, bị Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 117/2020/HS-ST). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/10/2021 và thi hành xong án phí.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 15/6/2022 (Có mặt).

Người bào chữa: Bà Nguyễn Thi Kim A, luật sư của Công ty L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Thị Dư T (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Phú T2, sinh năm 1995

Thường trú: 153/4 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 15/6/2022, tại trước nhà số G T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Q1 phối hợp với Công an P, Quận E bắt quả tang Lê Hữu H đang cất giấu trái phép chất ma túy để mục đích sử dụng cá nhân. Thu giữ trong cốp xe máy biển số 50N2-154.34 do H đang điều khiển có 01 túi da màu đỏ có 3 ngăn chứa: Ngăn thứ nhất chứa 20 gói nylon là ma túy, có khối lượng 22,1773 gam, loại Methamphetamine; ngăn thứ hai chứa 02 gói nylon là ma túy, có khối lượng 10,9176 gam, loại Methamphetamine; ngăn thứ 3 chứa 01 hộp thiếc bên trong có: 02 gói nylon là ma túy, có khối lượng 0,8347 gam, loại Ketamine và 02 gói nylon là ma túy, có khối lượng 0,7616 gam, loại Ketamine. Ngoài ra còn tạm giữ của H: 01 xe máy biển số 50N2-154.34 và 02 điện thoại di động.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Hữu H tại phòng 602 khách sạn W, số B đường số I, khu dân cư T, xã B, huyện B. Kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Lê Hữu H khai nhận số ma túy, loại M là H mua của một người phụ nữ qua mạng Zalo có tên “Bé T” vào ngày 10/6/2022 khoảng 50 gam với giá 16.500.000 đồng và đã sử dụng một ít còn số ma túy loại Ketamine là Hoàng mua của Q (không rõ lai lịch) mục đích là để sử dụng.

Mở rộng điều tra, khoảng 20 giờ 30 phút ngày 15/6/2022 tại trước nhà số C đường C, Phường A, Quận E, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an Q1 phối hợp với Công an P, Quận E phát hiện Lưu Minh V1 (sinh năm 1986; nơi thường trú: 106 Lô G, chung cư L, Phường A, Quận A) đang điều khiển xe máy biển số 59U1-216.83 chở Lê Thị Dư T có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện bên trong balo màu đen T đang đeo trên người có: 01 túi nylon màu tím chứa 01 túi nylon chứa ma túy, có khối lượng 99,5968 gam, loại Methamphetamine; 01 ví da màu đen bên trong có 02 gói nylon chứa ma túy, có khối lượng 20,9231 gam, loại Methamphetamine và 01 gói nylon bên trong chứa 04 gói nylon chứa ma túy, có khối lượng 1,5245 gam, loại Methamphetamine. Ngoài ra còn tạm giữ của T: 01 điện thoại di động; 01 Căn cước công dân mang tên Lê Thị Dư T. T khai nhận toàn bộ số ma túy trên là của T cất giấu với mục đích để bán cho người khác; việc T cất giấu trái phép chất ma túy Vĩ hoàn toàn không biết, không liên quan.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị Dư T tại nhà số C Lô D chung cư L, Phường A, Quận A. Kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án của Lê Thị Dư T và Lê Hữu H đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 3540/KL-KTHS, 3541/KL-KTHS ngày 24/6/2022 của Phòng K, Công an Thành phố H.

Quá trình điều tra Lê Thị Dư T và Lê Hữu H khai nhận đều là người nghiện ma túy. Thông qua bạn bè giới thiệu T quen biết người phụ nữ tên Z (không rõ lai lịch có sử dụng nick Z1 là “Zen lovely”) là người bán ma túy. Qua trao đổi, T nảy sinh ý định mua ma túy của Z về để bán cho Lê Hữu H (có sử dụng nick Zalo là H”, số di động là 0902.276.736) để kiếm lời. T đã mua ma túy của Z 02 lần và bán lại cho H 01 lần, còn 01 lần trên đường đi chưa kịp giao cho H thì bị Công an bắt, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Chiều ngày 10/6/2022, H hẹn gặp T tại khu vực đường L, Quận E để thỏa thuận việc H đặt mua nửa lạng (khoảng 50 gam) ma túy đá. Sau đó, T liên hệ với người phụ nữ tên Z hỏi mua 50 gam ma túy đá thì được Zen báo giá 14.000.000 đồng và báo giá cho H là 16.500.000 đồng, H đồng ý mua. Đến khoảng 18 giờ ngày 10/6/2022, T liên hệ lại qua ứng dụng Zalo với Z để hỏi mua thêm 01 gói ma túy đá khoảng 22 gam với giá 6.000.000 đồng, tổng cộng giá mua bán là 20.000.000 đồng và hẹn giao dịch tại khu vực đường T, Quận A. Khi đến điểm hẹn, Z cho người đến giao 02 gói ma túy đá cho T (01 gói nylon lớn chứa 50 gam; 01 gói nhỏ chứa khoảng 22 gam), T trả tiền và cầm ma túy về cất giấu tại chỗ ở. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 10/6/2022, T

nhờ bạn tên là T3 (không rõ lai lịch) đem gói nylon chứa 50 gam đi giao cho H tại phòng 602 khách sạn W, số B đường số I, khu dân cư T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và nhận số tiền 16.500.000 đồng đem về cho T trả cho T3 tiền công 300.000 đồng. Sau khi nhận số ma túy đá mua của T, H đã phân chia thành nhiều gói nhỏ và lấy ra một ít để sử dụng và cất giấu ma túy vào túi da 3 ngăn màu đỏ của H rồi để lại vị trí trên giường ngủ của H với mục đích để sử dụng cá nhân.

- Lần thứ hai: khoảng 18 giờ 00 phút ngày 15/6/2022, Hoàng liên l với T hỏi mua 100 gam ma túy đá và T báo giá là 32.500.000 đồng, H đồng ý mua. Sau đó, T liên hệ với người phụ nữ tên Z hỏi mua 100 gam ma túy đá thì được Zen báo giá 28.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận việc mua bán ma túy với H và Z xong, T lấy 01 balo màu đen và đeo trên người, bên trong balo có 01 ví da màu đen đựng 06 gói nylon chứa khoảng 22 gam ma túy đá (mua của Z vào ngày 10/6/2022 và T tự phân chia thành 06 gói) để đem theo, mục đích là khi có khách hỏi mua thì T sẽ bán hết số ma túy này và T nhờ bạn tên Lưu Minh V1 chở đi công việc (không nói rõ là việc gì), V1 đồng ý rồi điều khiển xe máy biển số 59U1-216.83 chở T đi đến đầu một con hẻm thuộc khu vực đường T, Quận A T không nhớ rõ địa chỉ). Khi đến điểm hẹn, T xuống xe đi bộ vào hẻm theo chỉ dẫn của Z tới vị trí Z để sẵn ma túy lấy 01 gói nylon màu tím bên trong đựng 01 gói nylon chứa khoảng 100 gam ma túy đá, T nhận và cất giấu ma túy vào trong balo đang đeo trên người, còn số tiền 28.000.000 đồng, T và Z thống nhất khi nào T bán xong ma túy sẽ trả tiền cho Z. Lúc này, V1 đứng đợi T ở đầu hẻm nên không chứng kiến việc này và T cũng không có nói cho V1 biết. Sau đó, T đi bộ ra đầu hẻm tiếp tục nhờ V1 chở T đến khu vực khách sạn để bán 100 gam ma túy đá vừa mua của Z cho H thì bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Lời khai của Lê Hữu H phù hợp với lời khai của Lê Thị Dư T về số lần, khối lượng và loại ma túy đá mà H đã mua của T. Đối với số ma túy loại Ketamine bị thu giữ, H mua của một đối tượng tên Q (không rõ lai lịch) vào khoảng đầu tháng 6/2022 tại khu vực đường L, Quận E với giá 2.000.000 đồng chưa sử dụng hết. H mua ma túy của T và Q với mục đích để sử dụng.

Đối với việc H đặt mua của T 100 gam ma túy đá vào ngày 15/6/2022, với mục đích để sử dụng trước lúc H bị bắt. Tuy nhiên, việc mua bán trái phép chất ma túy lần này chưa thực hiện được nên không có căn cứ xác định H phải chịu trách nhiệm hình sự về lần mua bán này.

Đối với Lưu Minh V1, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Q1 xác định V1 không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của T. Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với V1 âm tính. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã giải tỏa đối với V1.

Đối với người phụ nữ tên Z (có sử dụng nick Zalo là “Zen lovely”) là người bán ma túy cho Lê Thị Dư T và đối tượng tên Q (không rõ lai lịch) là

người bán ma túy loại Ketamine cho H. Do T và H khai không rõ nhân thân lai lịch của 02 đối tượng này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để xác minh, truy bắt xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 135/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 07/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Thị Dư T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Hữu H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá những chứng cứ xác định hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị Dư T 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Hữu H từ 10 đến 12 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đề nghị truy tố đối với bị cáo. Luật sư chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo là gia đình cách mạng, mẹ bị cáo đã được nhận giấy khen trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị cáo còn có 02 con đang còn nhỏ.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quan điểm truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các bị cáo và người bào chữa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Đánh giá hành vi của các bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, Kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định:

Bị cáo Lê Hữu H đã có hành vi cất giấu trái phép 33,0949 gam loại Methamphetamine và 1,5963 gam loại Ketamine để sử dụng. Bị cáo Lê Thị Dư T ngày 15/6/2022 đã có hành vi cất giấu trái phép 122,044 gam, loại Methamphetamine để bán lại cho người khác kiếm lời. Ngoài ra ngày 10/6/2022 bị cáo T còn có hành vi bán 50 gam ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo H. Tổng số ma túy bị cáo T dùng để mua bán là 172,0444 gam (122,044 gam + 50 gam), loại Methamphetamine.

Xét bị cáo Lê Hữu H tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc trường hợp “có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này” (khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015). Bị cáo T đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy thuộc trường hợp Methamphetamine có khối lượng 100 gam trở lên.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Lê Hữu H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Hữu H đã 02 lần phạm tội, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên hành vi của bị cáo

thuộc trường hợp phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo T đang phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, gia đình có công với cách mạng nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về phần hình phạt bổ sung:

Bị cáo T đang phải nuôi con nhỏ, có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 721 (gói 1) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số Np1/206BB/2023; 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 721 (gói 2) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP2/206BB/2023; 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 721 (gói 3) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP3/206BB/2023; 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 722 (gói 1) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP4/206BB/2023; 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 722 (gói 2) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP5/206BB/2023, là vật chứng cấm tàng trữ lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, dung tích xi lanh 149,3; biển số 50N2-154.34, số khung MH1JM5113LK550664, số máy JM51E-1550228 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số X MAY/206BB/2023, do bị cáo H sử dụng. Bị cáo khai mượn của người bạn không rõ lai lịch. Qua xác minh biển số 50N2-154.34 do anh Nguyễn Phú T2 đứng tên chủ sở hữu của một xe gắn máy khác có số máy G3D4E1107354, số khung RLCUG1010MY336321. Anh T2 khai mua xe vào tháng 5/2021, sau đó đến tháng 5/2022 thì bị mất xe tại Cửa hàng thế giới di động. Giữa anh T2 và Cửa hàng T4 đã thỏa thuận bồi thường và anh T2 không có yêu cầu bồi thường về chiếc xe này.

Đối với số khung MH1JM5113LK550664, số máy JM51E-1550228 của chiếc xe bị cáo H sử dụng. Qua kết quả tra cứu thì không có trong dữ liệu đăng kí xe do Công an quản lý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với biển số 50N2-154.34 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc xe với số khung MH1JM5113LK550664, số máy JM51E-1550228 nêu trên thì cần đăng thông tin chiếc xe trên lên phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian 06 tháng để tìm chủ sở hữu. Hết thời gian 06 tháng nếu không tìm thấy chủ sở hữu thì tịch thu chiếc xe trên nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei 357220097629821 (không kiểm tra I do không có nguồn điện, Imei khay sim, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT1/206BB/2023, là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu S (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT2/206BB/2023, thu giữ của bị cáo H. H khai là điện thoại của N (không rõ lai lịch). Điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

- Đối với 01 (một) túi da màu đỏ và 01 (một) hộp thiếc, mã số LT1/206BB/2023, là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) cái điện thoại di động S, I, Imei 355229085354237 (không kiểm tra I do không có nguồn điện, không Model, không có số, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT3/206BB/2023, là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 (một) túi đeo có quai màu đen; 01 (một) túi nylon màu tím rỗng; 01 (một) cái bóp ví da màu đen, mã số LT2/206BB/2023, là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) căn cước công dân mang tên Lê Thị Dư T , số 079196001026, cấp ngày 07/04/2020, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH, mã số CCCD/206BB/2023, là tài sản của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

[6] Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Dư T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2022.

[2] Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu H 11 (mười một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2022.

[3] Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 721 (gói 1) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số Np1/206BB/2023;

- 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 721 (gói 2) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP2/206BB/2023;

- 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 721 (gói 3) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP3/206BB/2023;

- 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 722 (gói 1) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP4/206BB/2023;

- 01 (một) gói giấy có ghi vụ số 722 (gói 2) được niêm phong sau giám định có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ, cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là chất ma túy còn lại sau giám định, mã số NP5/206BB/2023;

- 01 (một) túi da màu đỏ và 01 (một) hộp thiếc, mã số LT1/206BB/2023;

- 01 (một) túi đeo có quai màu đen; 01 (một) túi nylon màu tím rỗng; 01 (một) cái bóp ví da màu đen, mã số LT2/206BB/2023;

- Biển số: 50N2-154.34, mã số XMay/206BB/2023;

* Đối với chiếc xe 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, dung tích xi lanh 149,3; số khung MH1JM5113LK550664, số máy JM51E-1550228 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra), mã số

XMAY/206BB/2023 thì đăng thông tin trên lên phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian 06 tháng để tìm chủ sở hữu. Hết thời gian 06 tháng nếu không tìm thấy chủ sở hữu thì tịch thu chiếc xe trên nộp ngân sách Nhà nước.

* Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei 357220097629821 (không kiểm tra I do không có nguồn điện, Imei khay sim, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT1/206BB/2023;

- 01 (một) cái điện thoại di động S, I, Imei 355229085354237 (không kiểm tra I do không có nguồn điện, không Model, không có số, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT3/206BB/2023;

* Trả lại cho bị cáo Lê Hữu H: 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu hiệu S (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT2/206BB/2023;

* Trả lại cho bị cáo Lê Thị Dư T : 01 (một) căn cước công dân mang tên Lê Thị Dư T , số 079196001026, cấp ngày 07/04/2020, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH, mã số CCCD/206BB/2023.

[4] Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (4)
- Bị cáo; (2)
- Người có QLNVLQ; (2)
- THAHS TAND TP.HCM; (1)
- Phòng PV06 - CA TP.HCM; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam

